

## BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN

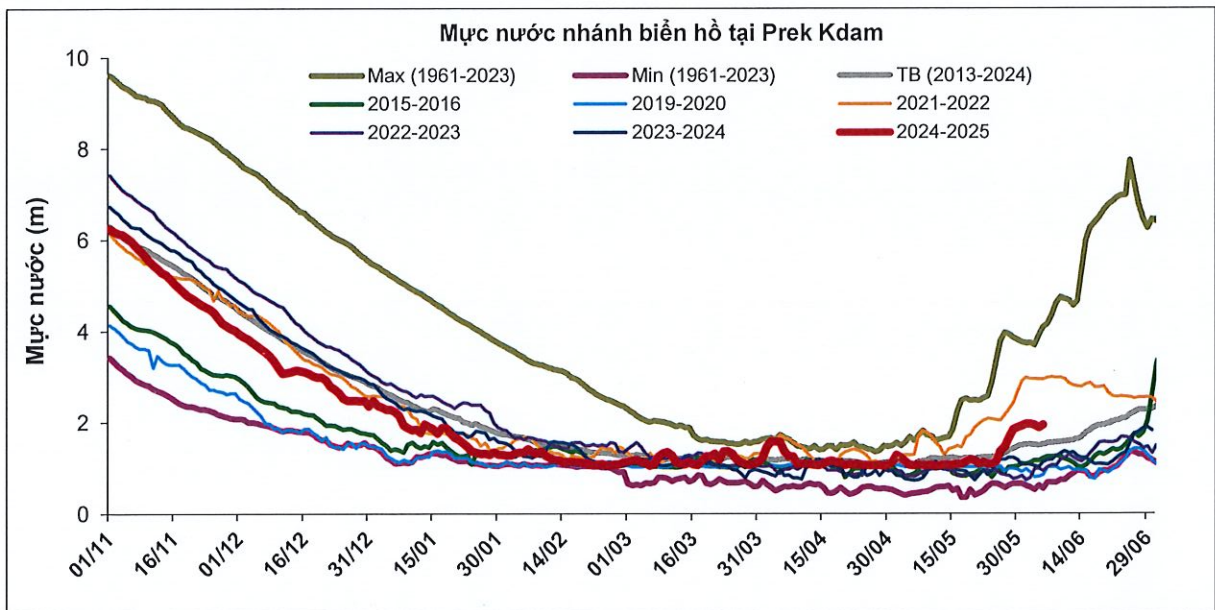
### **DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC MÙA KIẾT NĂM 2024-2025 (Tuần từ 6/6/2025 – 12/6/2025)**

#### 1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ Tonle Sap và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

##### 1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1) cập nhật từ mạng quan trắc của Ủy hội sông Mê Công, ngày 5/6 ở cao trình 1,94m.



Hình 1. Diễn biến mực nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 5/6/2025

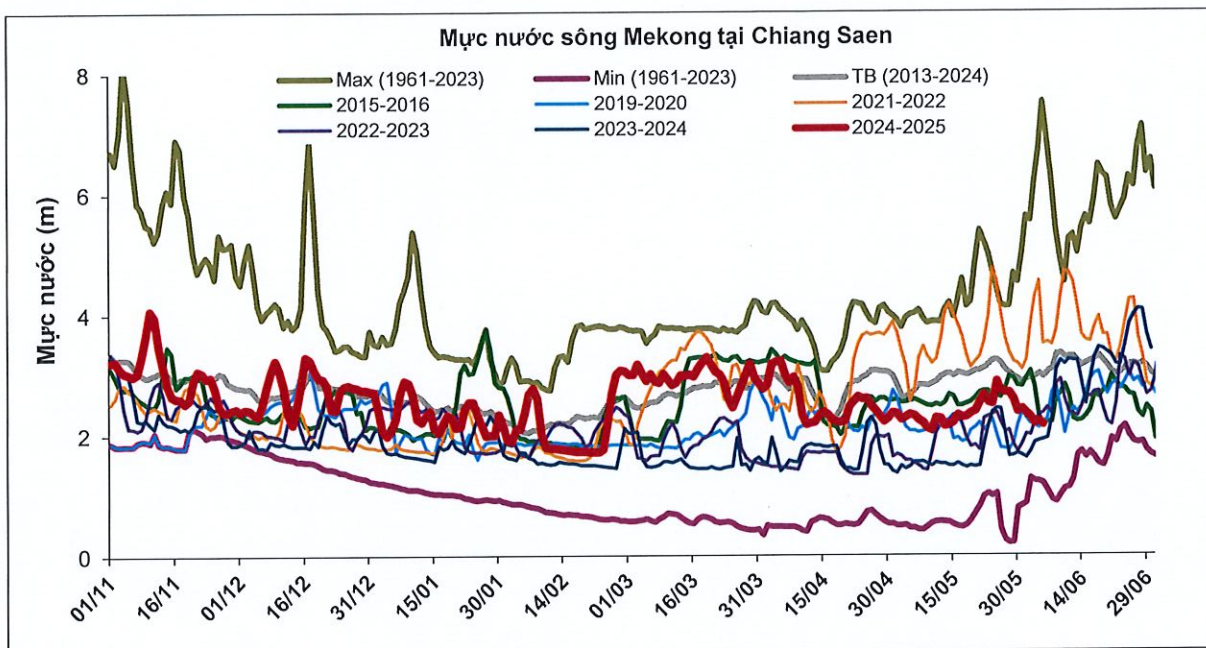
##### 1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Bảng 1: Mực nước\* hiện tại các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

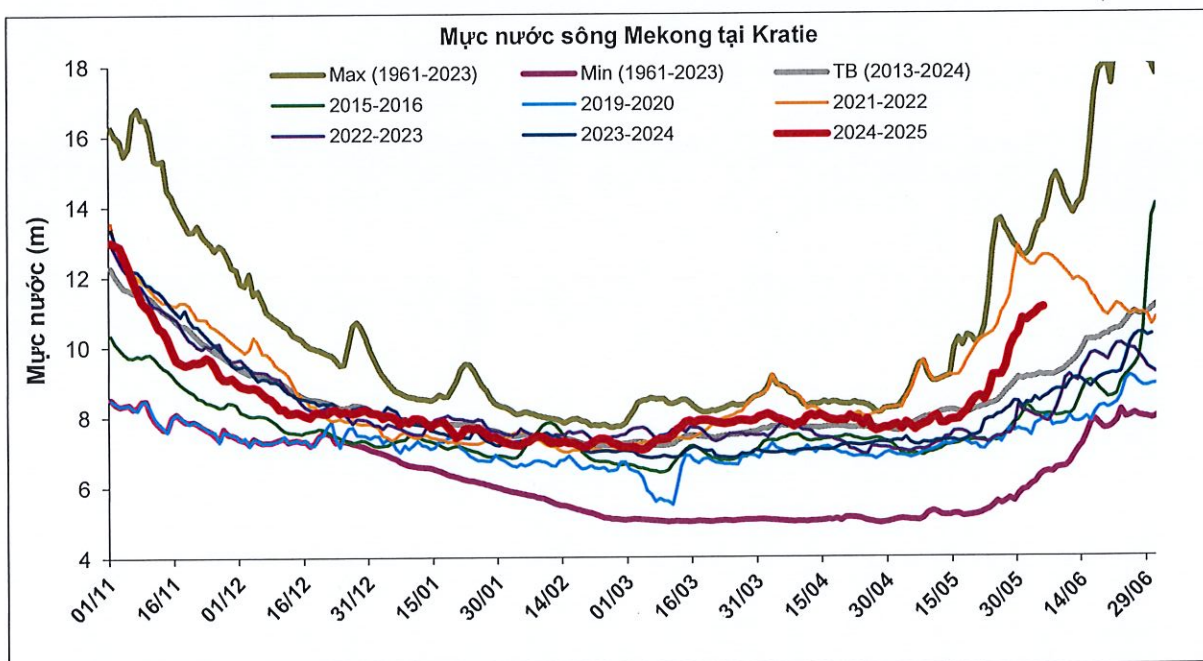
Trạm	Đơn vị	Giá trị ngày 5/6/2025	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m <sup>3</sup> ) so với một số năm cùng thời điểm					
			TB (2013-2024)	2023-2024	2022-2023	2021-2022	2019-2020	2015-2016
Chiang Saen*	m	2,16	-0,79	+0,25	-0,19	-1,34	-	+0,02
Kratie*	m	11,08	+1,94	+2,58	+3,22	-1,48	+3,17	+3,06
Prekdam*	m	1,94	+0,43	+0,82	+1,01	-1,00	+1,10	+0,73
Dung tích hồ	Tỷ m <sup>3</sup>	1,32	-0,65	+0,11	+0,13	-2,78	+0,17	+0,17

Ghi chú: \*: cao độ mực nước các trạm thượng lưu theo số liệu của MRC là cao độ tương đối; (-) là thấp hơn;

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước từ nguồn Ủy hội sông Mê Công đến ngày 5/6/2025 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan



Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie

Bảng 2: Mực nước lớn nhất hiện tại một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 5/6/2025	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (- là thấp hơn)					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Tân Châu	1,36	+0,14	+0,05	+0,15	-0,14	+0,17	+0,21
Châu Đốc	1,47	+0,14	-0,02	+0,13	-0,11	+0,14	+0,17
Mỹ Thuận	1,04	+0,01	+1,04	-0,15	+0,02	-0,16	-0,06
Cần Thơ	1,06	-0,06	+1,06	-0,27	-0,03	-0,26	-0,19

Dòng chảy về châu thổ sông Mê Công vào mùa kiệt phụ thuộc vào lưu lượng điều tiết từ thượng nguồn, dòng chảy từ Biển Hồ Tonle Sap và thay đổi theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: Tính đến ngày 5/6/2025, mực nước tại trạm Kratie hiện ở mức 11,08m. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, mực nước tại đây hiện cao hơn khoảng 1,94m so với TBNN; khoảng 2,58m so với mùa khô 2023-2024; khoảng 3,22m so với mùa khô 2022-2023; khoảng 3,17m so với mùa khô 2019-2020; khoảng 3,06m so với mùa khô 2015-2016, tuy nhiên thấp hơn khoảng 1,48m so với mùa khô 2021-2022.

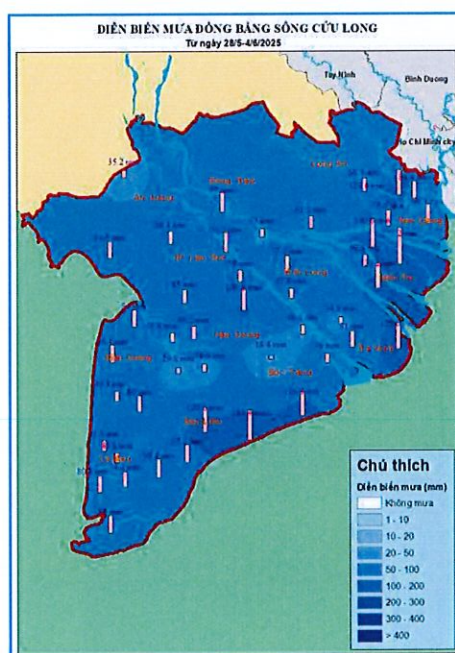
- Tại Biển Hồ: Hồ Tonle Sap hiện đang trong giai đoạn tích-xả nước, dung tích hiện tại còn khoảng 1,32 tỷ m<sup>3</sup>. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, dung tích hiện cao hơn khoảng 0,11 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2023-2024; khoảng 0,13 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2022-2023; khoảng 0,17 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2019-2020; khoảng 0,17 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2015-2016, tuy nhiên thấp hơn khoảng 0,65 tỷ m<sup>3</sup> so với TBNN; khoảng 2,78 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2021-2022.

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 5/6/2025 lần lượt là 1,36 m và 1,47 m. Dự báo chi tiết diễn biến mực nước trên Đồng bằng xem Phụ lục 2.

## 2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ

### 2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Trong tuần từ ngày 28/5-4/6/2025, theo như dự báo, ĐBSCL xuất hiện mưa trên hầu khắp ĐBSCL từ 60-80mm, có nơi hơn 170mm (Hình 4). Dự báo tuần tới sẽ tiếp tục có mưa xuất hiện trên diện rộng với vũ lượng từ 50-80mm nhiều nơi trên Đồng bằng.



Hình 4. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên Đồng bằng (từ ngày 28/5-4/6/2025)

Theo dự báo cập nhật ENSO ngày 19/5/2025 của IRI/CPC, ENSO trung tính tiếp tục duy trì ở mức cao (92%) trong giai đoạn tháng 5 - tháng 7/2025, điều kiện ENSO trung tính dự báo sẽ tiếp tục duy trì trong giai đoạn tháng 8 – tháng 10 với hơn 50% khả năng, giai đoạn tiếp theo đến tháng 1 - tháng 3/2026 ENSO giảm xuống còn 40%. Khả năng xảy ra El Niño và La Nina rất thấp trong suốt thời gian dự báo.

## 2.2. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần từ 30/5/2025 - 5/6/2025 xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động trong khoảng từ 639 m<sup>3</sup>/s đến 723 m<sup>3</sup>/s. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 12,25 tỷ m<sup>3</sup>, tương đương với 51,5% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 21,3% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024-2025 trên lưu vực sông Mê Công ở hiện tại vào khoảng 21,14 tỷ m<sup>3</sup>. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL các tháng tới ở mùa kiệt 2024-2025 tại Bảng 3.

*Bảng 3: Lưu lượng thực đo và dự báo tại Kratie 2024-2025*

Tháng	Qkratie (m <sup>3</sup> /s)	So với một số năm					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Th.05/2025	4.704	-3	+966	+1.304	-3.018	+1.565	+1.462
Dự báo Th.06/2025	7.420	-518	+1.046	+1.070	-3.950	+2.726	+1.423

Trong tuần qua (từ 30/5-5/6/2025) mặn có hàm lượng 4g/l vào thấp nhất trên dưới 15-20km trên các cửa sông. Dự báo xâm nhập mặn trong tuần từ 6/6 đến 12/6, nội vùng đồng bằng mặn giảm, mặn có xu thế tăng nhẹ đến cuối tuần dự báo ở vùng cửa sông, mặn 4g/l dự báo cách cửa sông trên dưới 18-21km. Tuy nhiên, đề phòng mặn thay đổi bất thường các vùng cửa sông ven biển, cần kiểm tra kỹ chất lượng nước trước khi lấy.

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ nguồn nước đảm bảo.

- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre. Mặn trong khả năng bảo vệ an toàn bởi các công trình thủy lợi.

- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các tỉnh ven biển ĐBSCL (Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và tỉnh Kiên Giang). Để đảm bảo an toàn cho sản xuất cần tiếp tục giám sát mặn, kiểm tra chất lượng nước trước khi lấy, cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để chủ động tích nước (khi cần).

**Trong tuần dự báo từ 6/6/2025 đến 12/6/2025, mặn có xu thế tăng nhẹ các cửa sông chính, nội đồng mặn giảm, ranh mặn 4g/l sâu nhất trên các cửa sông Cửu Long trên dưới 18km-21km. Vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn, tranh thủ lấy nước phục vụ sản xuất vụ hè thu và giám sát chặt chẽ chất lượng nước trước khi lấy.**

### 3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIẾT 2024-2025

Dòng chảy tháng 6 về đồng bằng đã gia tăng đáng kể kết hợp mưa nhiều nơi trên đồng bằng, xâm nhập mặn giảm nhanh. Diện tích xuống giống vụ Hè Thu đã đạt 1.325,5 ngàn ha, tương đương khoảng 90,2% diện tích so với kế hoạch, các vùng ngọt đã cơ bản hoàn thành xuống giống vụ hè thu, mở rộng ra các vùng ven biển. Để đảm bảo an toàn cho sản xuất cần:

- Vùng giữa ĐBSCL: vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn và tích nước mỗi khi có thể, khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả.

- Vùng ven biển ĐBSCL: mặn bất thường có thể làm ảnh hưởng đến nguồn nước và sản xuất ở các hệ thống thủy lợi ven biển, cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn trước khi lấy và tưới nước cho cây trồng.

### 4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Hiện nay, mưa đã xuất hiện diện rộng và dòng chảy thượng lưu sông Mê Công về đồng bằng gia tăng nên XNM không còn khả năng gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Các địa phương cần tăng cường vận hành tiêu rửa hệ thống, phòng chống úng ngập nhất là những khu vực trũng thấp.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

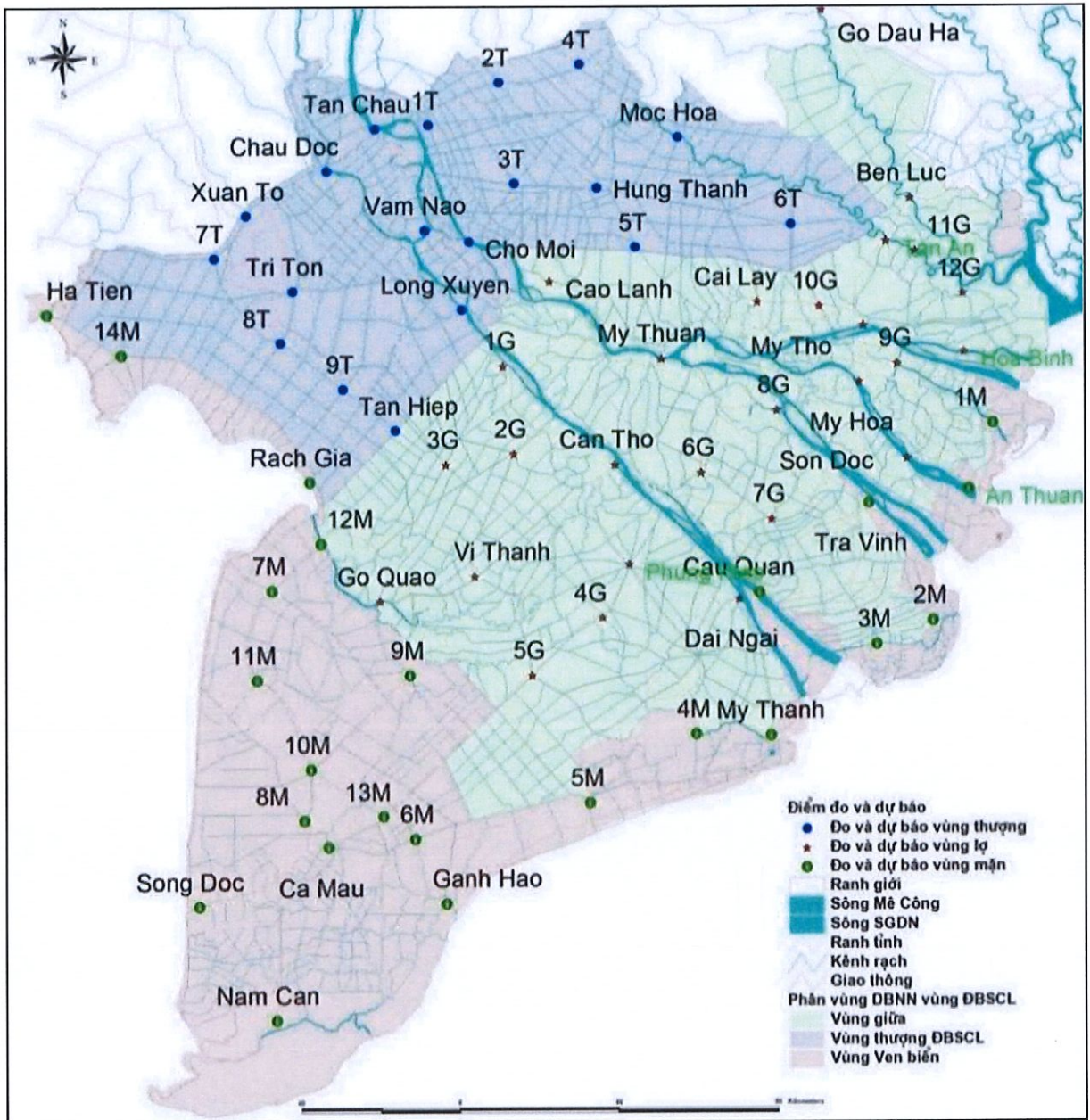


PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
*Nguyễn Nghĩa Hùng*

#### Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: [dbnn.dbscl19@gmail.com](mailto:dbnn.dbscl19@gmail.com)
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.

**Phụ lục 1: Sơ họa vị trí các điểm dự báo nguồn nước vùng đồng bằng Sông Cửu Long**






**Phụ lục 2: Cập nhật mực nước lớn nhất các vùng trên ĐBSCL**

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	11/06	12/06
<b>I. Vùng Thượng đồng bằng</b>									
1	1T	1,20	1,18	1,17	1,18	1,20	1,22	1,26	1,28
2	2T	0,77	0,71	0,69	0,74	0,79	0,83	0,85	0,87
3	3T	0,74	0,72	0,75	0,80	0,85	0,90	0,93	0,96
4	4T	0,45	0,37	0,33	0,35	0,39	0,44	0,49	0,52
5	5T	0,64	0,63	0,65	0,69	0,73	0,77	0,82	0,84
6	6T	0,33	0,30	0,32	0,37	0,42	0,46	0,50	0,53
7	7T	0,20	0,17	0,16	0,17	0,18	0,20	0,21	0,22
8	8T	0,18	0,14	0,14	0,16	0,18	0,21	0,22	0,24
9	9T	0,16	0,14	0,16	0,18	0,21	0,24	0,26	0,27

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	11/06	12/06
10	Châu Đốc	1,47	1,45	1,43	1,43	1,44	1,46	1,50	1,52
11	Chợ Mới	1,17	1,15	1,15	1,17	1,18	1,21	1,25	1,27
12	Hung Thạnh	0,43	0,37	0,40	0,45	0,50	0,55	0,59	0,62
13	Long Xuyên	1,39	1,38	1,39	1,42	1,46	1,51	1,56	1,60
14	Mộc hóa	0,27	0,25	0,26	0,29	0,33	0,38	0,41	0,46
15	Tân Châu	1,36	1,35	1,33	1,32	1,33	1,35	1,39	1,41
16	Tân Hiệp	0,35	0,35	0,37	0,39	0,42	0,45	0,47	0,49
17	Tri Tôn	0,45	0,42	0,42	0,44	0,47	0,49	0,50	0,52
18	Vàm Nao	1,39	1,37	1,35	1,36	1,38	1,41	1,45	1,48
19	Xuân Tô	0,40	0,37	0,38	0,40	0,41	0,43	0,44	0,45
<b>II. Vùng Giữa đồng bằng</b>									
1	1G	1,21	1,20	1,22	1,26	1,30	1,36	1,42	1,45
2	2G	0,73	0,73	0,74	0,77	0,79	0,81	0,83	0,84
3	3G	0,37	0,38	0,40	0,43	0,46	0,48	0,49	0,51
4	4G	0,82	0,82	0,85	0,88	0,91	0,95	0,98	1,01
5	5G	0,58	0,52	0,55	0,58	0,60	0,62	0,64	0,65
6	6G	0,96	0,96	0,97	0,97	1,02	1,08	1,14	1,19
7	7G	0,69	0,81	0,88	0,88	0,85	0,83	0,84	0,83
8	8G	1,00	0,99	0,98	0,99	1,02	1,04	1,09	1,12
9	9G	0,90	0,92	0,97	1,01	1,05	1,10	1,16	1,19
10	10G	0,75	0,73	0,72	0,74	0,75	0,77	0,81	0,83
11	11G	0,63	0,61	0,61	0,63	0,65	0,68	0,72	0,74
12	12G	0,80	0,79	0,75	0,76	0,78	0,78	0,85	0,89
13	Bến Lức	0,93	0,94	0,96	1,00	1,04	1,07	1,12	1,14
14	Cai Lậy	0,94	0,91	0,93	0,94	0,95	1,00	1,02	1,05
15	Cần Thơ	1,06	1,07	1,07	1,10	1,15	1,20	1,27	1,30
16	Cao Lãnh	1,11	1,10	1,12	1,14	1,16	1,21	1,24	1,28
17	Đại Ngãi	1,18	1,16	1,14	1,15	1,16	1,26	1,32	1,40
18	Gò Dầu Hạ	0,33	0,34	0,37	0,40	0,46	0,51	0,56	0,60
19	Gò Quao	0,53	0,54	0,56	0,58	0,60	0,62	0,62	0,63
20	Hòa Bình	0,71	0,70	0,67	0,64	0,67	0,70	0,74	0,78
21	Mỹ Hoá	1,01	0,98	0,97	0,95	0,98	1,02	1,06	1,10
22	Mỹ Tho	0,98	0,93	0,92	0,91	0,92	0,97	1,00	1,05
23	Mỹ Thuận	1,04	1,03	1,02	1,03	1,06	1,11	1,14	1,20
24	Phụng Hiệp	0,95	0,96	0,96	0,98	1,03	1,08	1,15	1,19
25	Sơn Đốc	0,83	0,77	0,75	0,75	0,76	0,80	0,86	0,90
26	Tân An	1,05	1,04	1,03	1,05	1,07	1,08	1,14	1,16
27	Vị Thanh	0,51	0,53	0,56	0,59	0,62	0,63	0,65	0,66
<b>III. Vùng ven biển</b>									
1	1M	0,93	0,90	0,88	0,86	0,89	0,91	0,96	1,00
2	2M	1,09	1,03	1,02	1,02	1,02	1,09	1,14	1,20
3	3M	1,15	1,11	1,10	1,07	1,12	1,18	1,24	1,32
4	4M	1,16	1,12	1,11	1,11	1,12	1,22	1,27	1,37

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	11/06	12/06
5	5M	1,27	1,27	1,23	1,24	1,28	1,32	1,42	1,46
6	6M	0,90	0,92	0,93	0,98	1,04	1,07	1,14	1,15
7	7M	0,25	0,26	0,28	0,29	0,31	0,33	0,34	0,35
8	8M	0,55	0,54	0,55	0,57	0,59	0,61	0,63	0,64
9	9M	0,58	0,59	0,61	0,63	0,65	0,66	0,67	0,68
10	10M	0,44	0,41	0,42	0,44	0,46	0,48	0,49	0,50
11	11M	0,39	0,38	0,39	0,40	0,42	0,44	0,45	0,46
12	12M	0,35	0,38	0,42	0,47	0,52	0,55	0,56	0,58
13	13M	0,58	0,54	0,53	0,56	0,57	0,58	0,60	0,61
14	14M	0,15	0,12	0,12	0,12	0,13	0,15	0,16	0,18
15	An Thuận	0,99	0,95	0,91	0,92	0,95	0,98	1,04	1,09
16	Cà Mau	0,63	0,64	0,67	0,71	0,75	0,77	0,80	0,81
17	Cầu Quan	1,27	1,25	1,26	1,27	1,30	1,39	1,44	1,52
18	Gành Hào	1,58	1,58	1,57	1,58	1,62	1,64	1,73	1,76
19	Hà Tiên	0,16	0,13	0,14	0,15	0,16	0,17	0,18	0,19
20	Mỹ Thanh	1,13	1,09	1,08	1,06	1,11	1,17	1,25	1,33
21	Năm Căn	1,24	1,24	1,25	1,27	1,29	1,35	1,38	1,43
22	Rạch Giá	0,16	0,13	0,14	0,15	0,16	0,17	0,18	0,19
23	Sông Đốc	0,59	0,63	0,66	0,68	0,72	0,74	0,76	0,77
24	Trà Vinh	1,21	1,17	1,14	1,11	1,15	1,19	1,23	1,29

**Ghi chú:**

	Tương đương ngày đầu tuần dự báo
	Cao hơn ngày đầu tuần dự báo
	Thấp hơn ngày đầu tuần dự báo

**Phụ lục 3: Dự báo độ mặn lớn nhất trong tuần một số trạm cửa sông chính trên ĐBSCL**

STT	Trạm	Ngày dự báo mặn							
		05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	11/06	12/06
1	Vàm Giồng	< 3,0	—	—	↑	↑	↑	↑	< 4,0
2	Trà Vinh	< 2,0	—	—	↑	↑	↑	↑	< 3,0
3	Mỹ Hóa	< 0,5	—	—	—	—	—	—	< 0,5
4	Cầu Quan	< 2,0	—	—	↑	↑	↑	↑	< 3,0
5	Gò Quao	< 2,0	↑	↑	↑	↑	↑	↑	< 4,0
6	Đại Ngãi	< 1,5	—	—	↑	↑	↑	↑	< 2,0

**Ghi chú:**

- ↑ Mặn đang xu thế tăng
- ↑ a ↓ Mặn tăng và đạt đỉnh ‘a’ trước khi giảm ở các ngày sau
- ↓ Mặn đang xu thế giảm
- ↓ b ↑ Mặn giảm và đạt chân ‘b’ trước khi tăng trở lại ở các ngày sau
- Mặn ít biến động hoặc khó lường so với ngày trước đó